

Số: 2421/TB-ĐHTV

Trà Vinh, ngày 30 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đại học, cao đẳng vừa làm vừa học (dành cho đối tượng tốt nghiệp trung học phổ thông)

I. Mã trường trong tuyển sinh: DVT

II. Đối tượng và điều kiện đăng ký xét tuyển

2.1 Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức)

- a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương theo quy định của hiện hành;
- b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;
- c) Người đã tốt nghiệp cao đẳng, đại học có nguyện vọng đăng ký dự tuyển đại học hình thức vừa làm vừa học (đối với người đã tốt nghiệp đại học, ngành đăng ký phải khác với ngành đã tốt nghiệp).

2.2 Các điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đạt ngưỡng đầu vào được quy định tại mục IV của thông báo này;
- b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.
- d) Đáp ứng quy định cụ thể về đối tượng và điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh.

III. Thông tin về ngành tuyển sinh

Trường Đại học Trà Vinh tuyển sinh theo ngành không theo nhóm ngành. Thí sinh xem *Danh mục ngành tuyển sinh* tại **Phụ lục**.

IV. Ngưỡng đầu vào và Phương thức Xét tuyển

Ngưỡng đầu vào còn gọi là Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào hay Mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển. Đây là điều kiện bắt buộc thí sinh phải đạt trước khi đăng ký nguyện vọng xét tuyển.

4.1 Phương thức Xét kết quả học tập THPT (mã Phương thức – 200)

Trường xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung (điểm tổng kết) năm học lớp 12 của từng môn học trong tổ hợp môn. **Ngưỡng đầu vào** được thực hiện theo quy chế tuyển sinh:

- **Ngưỡng đầu vào các ngành Sư phạm Ngữ văn, Đại học Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học, Sư phạm Tiếng Khmer:** Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc Điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8.0 trở lên. Đồng thời có **tổng điểm của tổ hợp môn xét**

tuyển từ 18 điểm trở lên.

- **Ngưỡng đầu vào các ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng và Cao đẳng Giáo dục mầm non:** Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) trở lên hoặc Điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên. Đồng thời có **tổng điểm của tổ hợp môn xét tuyển từ 18 điểm trở lên.**

- **Ngưỡng đầu vào ngành Luật:** Thí sinh tham gia xét tuyển phải thỏa các tiêu chí sau đây:

+ Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức đạt (học lực xếp loại trung bình) trở lên hoặc Điểm xét tốt nghiệp THPT từ 5.0 trở lên.

+ Tổng điểm xét tuyển tối thiểu đạt **tối thiểu 18/30 đối với tổ hợp gồm 3 môn (60% điểm đánh giá tối đa của thang điểm)** nhưng phải bảo đảm điểm môn **Toán** trong tổ hợp môn A00, A01, X25 **hoặc Ngữ văn** trong tổ hợp môn C00, D01, X70, X78 **đạt tối thiểu là từ 6 điểm trở lên** (60% điểm đánh giá tối đa của thang điểm 10) (theo Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ GDĐT ban hành Chuẩn Chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật đào tạo trình độ đại học).

- **Ngưỡng đầu vào các ngành còn lại:** kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức đạt (học lực xếp loại trung bình) trở lên hoặc Điểm xét tốt nghiệp THPT từ 5.0 trở lên hoặc tốt nghiệp THPT. Đồng thời có **tổng điểm của tổ hợp môn xét tuyển từ 15 điểm trở lên.**

4.2 Phương thức Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8) (mã Phương thức 301)

Thí sinh có bằng trung cấp ngành sư phạm loại giỏi trở lên, hoặc có bằng trung cấp ngành sư phạm loại khá và có ít nhất 02 năm làm việc đúng ngành được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

V. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ VÀ LỆ PHÍ XÉT TUYỂN

5.1 Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm có:

- + Phiếu đăng ký dự tuyển (*ghi đầy đủ các thông tin trong phiếu ĐKDT*);
- + Bản sao hợp lệ Căn cước công dân, Giấy khai sinh;
- + Bản sao hợp lệ Học bạ THPT;
- + Bản sao hợp lệ Bằng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT (tạm thời) đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025 hoặc minh chứng đã hoàn thành chương trình văn hóa THPT đối với người tốt nghiệp trình độ trung cấp;
- + Bảng điểm tốt nghiệp toàn khóa và Bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học trở lên (*mỗi loại 02 bản sao hợp lệ (nếu có)*);
- + 01 bản sao hợp lệ các giấy tờ ưu tiên khác (*nếu có*);
- + 01 Giấy giới thiệu cử đi học của cơ quan, đơn vị người học (*nếu có*);
- + Minh chứng quá trình công tác để xác định thâm niên chuyên môn đối với thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng vào ngành Cao đẳng Giáo dục mầm non (*Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động*);

+ Các minh chứng để được hưởng chế độ ưu tiên trong tuyển sinh theo quy định hiện hành (*nếu có*);

Lưu ý: Thí sinh chỉ nộp các bản sao hợp lệ đối với tiêu chí đạt ngưỡng đầu vào chọn để xét tuyển.

5.2 Lệ phí xét tuyển

❖ Lệ phí hồ sơ: **60.000đ/hồ sơ**.

❖ Lệ phí xét tuyển: **200.000đ/thí sinh**.

Thí sinh đóng tất cả lệ phí xét tuyển khi nộp hồ sơ đăng ký, hồ sơ đã nộp không hoàn trả lại.

VI. Điểm xét tuyển và điểm ưu tiên

Trường thực hiện việc tính điểm xét tuyển, chính sách ưu tiên, khung điểm ưu tiên trong tuyển sinh theo quy định của quy chế tuyển sinh hiện hành.

VII. Tổ chức tuyển sinh

7.1 Đăng ký xét tuyển

Thí sinh chọn 01 trong 02 cách sau để nộp hồ sơ xét tuyển:

❖ **Cách 1:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại phòng Đào tạo - Trường Đại học Trà Vinh.

❖ **Cách 2:** Thí sinh gửi hồ sơ xét tuyển qua đường bưu chính.

- **Thí sinh ở xa** có thể tải phiếu đăng ký tham gia xét tuyển trên Website phòng Đào tạo (<https://daotao.tvu.edu.vn>).

- **Thời gian nộp hồ sơ trực tiếp:** buổi sáng từ 7g00 - 11g00; buổi chiều từ 13g00 – 17g00 (từ thứ hai đến thứ Bảy và sáng Chủ nhật).

7.2. Thời gian thực hiện

TT	NỘI DUNG	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Phát hành hồ sơ	Từ ngày 10/7/2025	
2	Nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển đợt tháng 8/2025	Từ ngày 01/8/2025 đến 20/8/2025	
3	Trường công bố kết quả xét tuyển đợt 8/2025	Trước ngày 30/8/2025	
4	Làm thủ tục nhập học đợt tháng 8/2025	Trong thời gian 02 tuần sau khi có kết quả trúng tuyển. Nhà trường sẽ có thông báo cụ thể gửi đến thí sinh trúng tuyển.	
5	Tuyển sinh các đợt tiếp theo (trước 31/12/2025)	Từ ngày 01 đến ngày 20 hàng tháng	
6	Công bố kết quả xét tuyển đợt tiếp theo	Trước ngày 30 hàng tháng	
7	Làm thủ tục nhập học	Trong thời gian 02 tuần sau khi có kết quả trúng tuyển. Nhà trường sẽ có thông báo cụ thể gửi đến thí sinh trúng tuyển.	

VIII. Kinh phí, chương trình, thời gian và phương thức tổ chức đào tạo

8.1 Kinh phí tổ chức đào tạo

Kinh phí tổ chức quá trình đào tạo do người học tự túc chi trả. Kinh phí bao gồm học phí và các khoản thu.

* Học phí và các khoản thu được áp dụng theo quy định chung của Trường, đơn giá học phí được quy định cụ thể theo từng năm học, khoá học và được thông tin trong thông báo nhập học của từng đợt xét tuyển.

* Lộ trình tăng học phí: thực hiện hàng năm theo quy định và được công khai trước khi bắt đầu năm học mới. Mức tăng học phí của năm học sau không quá 10% so với năm học liền kề trước đó.

Sinh viên tham gia học tập tại Trường Đại học Trà Vinh ở các ngành đào tạo phải hoàn thành học phí theo quy định của nhà trường. Sinh viên không hoàn thành học phí đúng thời gian quy định của trường sẽ không có tên trong danh sách thi kết thúc học phần.

8.2 Chương trình đào tạo và thời gian đào tạo

- Trường đào tạo theo học chế tín chỉ, sau khi học và tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo (*bao gồm Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất*) sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp (*không phải thi tốt nghiệp ngoại trừ ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng*).

- Thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng hoặc đại học có thể rút ngắn thời gian đào tạo do được trường xem xét miễn trừ một số học phần đã học.

8.3 Phương thức tổ chức đào tạo

Trường tổ chức học chủ yếu vào các ngày thứ Bảy, Chủ nhật hàng tuần. Tùy theo tình hình thực tế, Trường có thể bố trí giảng dạy linh hoạt các ngày trong tuần hoặc có thể bố trí học thêm các buổi tối trong tuần.

X. Thông tin liên hệ và nhận hồ sơ

Thí sinh liên hệ và nộp hồ sơ tại địa chỉ sau đây:

Phòng Đào tạo

Phòng A11.201 - Tòa nhà A1 – Khu I - Trường Đại học Trà Vinh

Địa chỉ: số 126, Nguyễn Thiện Thành, phường Hoà Thuận, tỉnh Vĩnh Long.

Điện thoại: 0294.3.765536; 0294.3765.668; 0294.3855247.

Website: <https://daotao.tvu.edu.vn>. Email: daotao@tvu.edu.vn

Nơi nhận:

- Vụ GDĐH (b/c);
- UBND Tỉnh (b/c);
- Sở, Cơ quan, Doanh nghiệp các tỉnh;
- Các trường THPT; Thí sinh;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Trang TTĐT;
- Lưu: VT, HSTS.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. PHAN QUỐC NGHĨA

PHỤ LỤC

DANH MỤC NGÀNH TUYỂN SINH

(Kèm theo Thông báo số: 2421 /TB-ĐHTV ngày 30/6/2025
của Hiệu trưởng trường Đại học Trà Vinh tuyển sinh đại học,
cao đẳng vừa làm vừa học (đối tượng tốt nghiệp trung học phổ thông))

TT	MÃ NGÀNH	NGÀNH	CHỈ TIÊU	CÁC TỔ HỢP MÔN		GHI CHÚ
				MÃ TH	TÊN TỔ HỢP	
1	7810301	Quản lý thể dục thể thao	50	B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
				C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
				C14	Ngữ văn, Toán, GD&ĐT	
				B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
				D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
				X58	Ngữ văn, Vật lí, GD&ĐT và pháp luật	
				X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật	
2	7760101	Công tác xã hội (<i>Công tác xã hội trong lĩnh vực y tế</i>)	40	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
				C20	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
				C08	Ngữ văn, Hóa học, Sinh học	
				D66	Ngữ văn, GD&ĐT, Tiếng Anh	
				X66	Ngữ văn, Sinh học, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
				X74	Ngữ văn, Địa lí, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
				X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	
3	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	30	A00 A01 A03 A04	Toán, Vật lí, Hóa học Toán, Vật lí, Tiếng Anh Toán, Vật lí, Lịch sử Toán, Vật lí, Địa lí	
4	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	40	X05 X06 X07	Toán, Vật lí, Giáo dục Kinh tế và pháp luật Toán, Vật lí, Tin học Toán, Vật lí, Công nghệ (công nghiệp)	
5	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	20	A00 A01 A03 C01	Toán, Vật lí, Hóa học Toán, Vật lí, Tiếng Anh Toán, Vật lí, Lịch sử Ngữ văn, Toán, Vật lí	
6	7510301	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	20	X05 X06 X07	Toán, Vật lí, Giáo dục Kinh tế và pháp luật Toán, Vật lí, Tin học Toán, Vật lí, Công nghệ (công nghiệp)	

TT	MÃ NGÀNH	NGÀNH	CHỈ TIÊU	CÁC TỔ HỢP MÔN		GHI CHÚ
				MÃ TH	TÊN TỔ HỢP	
7	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	30	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
				A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
8	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	20	A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
				A03	Toán, Vật lí, Lịch sử	
				X05	Toán, Vật lí, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
9	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	20	X06	Toán, Vật lí, Tin học	
				X07	Toán, Vật lí, Công nghệ (công nghiệp)	
10	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	40	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
				B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
				C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
				D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
				X09	Toán, Hóa học, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
				X10	Toán, Hóa học, Tin học	
				X11	Toán, Hóa học, Công nghệ (công nghiệp)	
11	7480201	Công nghệ thông tin	40	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
				A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
				D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
				D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
				X06	Toán, Vật lí, Tin học	
				X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh	
				X27	Toán, Công nghệ (công nghiệp), Tiếng Anh	
12	7310201	Chính trị học	40	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
				C20	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
				D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
				X74	Ngữ văn, Địa lí, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
				Y07	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tin học	
				Y08	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Công nghệ (công nghiệp)	
				Y09	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Công nghệ (nông nghiệp)	

TT	MÃ NGÀNH	NGÀNH	CHỈ TIÊU	CÁC TỔ HỢP MÔN		GHI CHÚ
				MÃ TH	TÊN TỔ HỢP	
13	7540101	Công nghệ thực phẩm	20	A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
				B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
				B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
				X12	Toán, Hóa học, Công nghệ (nông nghiệp)	
				X14	Toán, Sinh học, Tin học	
				X16	Toán, Sinh học, Công nghệ (nông nghiệp)	
				X28	Toán, Công nghệ (nông nghiệp), Tiếng Anh	
14	7420201	Công nghệ sinh học	30	A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
15	7620112	Bảo vệ thực vật	40	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
16	7620101	Nông nghiệp	40	B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
17	7620301	Nuôi Trồng Thủy Sản	20	X12	Toán, Hóa học, Công nghệ (nông nghiệp)	
				X14	Toán, Sinh học, Tin học	
18	7640101	Thú y	30	X16	Toán, Sinh học, Công nghệ (nông nghiệp)	
				X28	Toán, Công nghệ (nông nghiệp), Tiếng Anh	
19	7380101	Luật <i>(Điểm môn Toán trong tổ hợp môn A00, A01, X25 hoặc Ngữ văn trong tổ hợp môn C00, D01, X70, X78 đạt tối thiểu là từ 6 điểm trở lên)</i>	300	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	<i>Tổng điểm 3 môn xét tuyển đạt tối thiểu 18/30</i>
				A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
				C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
				D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
				X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
				X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	
				X25	Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	
20	7340101	Quản trị kinh doanh	60	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
				A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
				A08	Toán, Lịch sử, GD&ĐT	
				D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
				X02	Toán, Ngữ văn, Tin học	
				X25	Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	
				X27	Toán, Công nghệ (công nghiệp), Tiếng Anh	

TT	MÃ NGÀNH	NGÀNH	CHỈ TIÊU	CÁC TỔ HỢP MÔN		GHI CHÚ
				MÃ TH	TÊN TỔ HỢP	
21	7340301	Kế Toán	50	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
				A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
				C01	Ngữ văn, Toán, Vật lý	
				D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
22	7310101	Kinh tế	70	X25	Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	
				X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh	
				X53	Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tin học	
23	7340201	Tài chính - Ngân hàng	40	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
				A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
				C01	Ngữ văn, Toán, Vật lý	
				D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
				X25	Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	
				X53	Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tin học	
24	7340406	Quản trị văn phòng	50	X55	Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Công nghệ (nông nghiệp)	
				C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
				C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
				D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
25	7310205	Quản lý nhà nước	60	X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
				X71	Ngữ văn, Lịch sử, Tin học	
				X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	
26	7340122	Thương mại điện tử	40	X79	Ngữ văn, Tin học, Tiếng Anh	
				A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
				A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
				C14	Toán, Ngữ văn, GD&ĐT	
				X06	Toán, Vật lí, Tin học	
				X07	Toán, Vật lí, Công nghệ (công nghiệp)	
				X26	Toán, Tiếng Anh, Tin học	
				X56	Toán, Tin học, Công nghệ (công nghiệp)	

TT	MÃ NGÀNH	NGÀNH	CHỈ TIÊU	CÁC TỔ HỢP MÔN		GHI CHÚ
				MÃ TH	TÊN TỔ HỢP	
27	7220201	Ngôn ngữ Anh	50	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
				D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	
				D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	
				D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
				D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
				X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh	
				X78	Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	
28	7220106	Ngôn ngữ Khmer	30	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
				D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
				D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
				X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật	
				X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục kinh tế và pháp luật	
				X75	Ngữ văn, Địa lí, Tin học	
				X79	Ngữ văn, Tin học, Tiếng Anh	
29	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	30	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
				D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
				D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
				D04	Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung	
				X78	Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	
				X79	Ngữ văn, Tin học, Tiếng Anh	
				X91	Ngữ văn, Tin học, Tiếng Trung	
30	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	60	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
				C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
				D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
				D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
				D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
31	7229040	Văn hóa học	80	X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục kinh tế và pháp luật	
				X74	Ngữ văn, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật	
32	7720301	Điều dưỡng	250	B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
				B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
33	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	80	A00 B00	Toán, Vật lí, Hóa học Toán, Hóa học, Sinh học	
34	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	100			
35	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	100			
36	7720701	Y tế Công cộng	150			

TT	MÃ NGÀNH	NGÀNH	CHỈ TIÊU	CÁC TỔ HỢP MÔN		GHI CHÚ
				MÃ TH	TÊN TỔ HỢP	
37	7720203	Hóa dược	20	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
				B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
				D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
				A11	Toán, Hoá học, Giáo dục công dân	
				X09	Toán, Hóa học, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
				X10	Toán, Hóa học, Tin học	
				X11	Toán, Hóa học, Công nghệ (công nghiệp)	
38	7520320	Kỹ thuật môi trường	20	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
				A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
				B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
				B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
				X06	Toán, Vật lí, Tin học	
				X10	Toán, Hóa học, Tin học	
				X14	Toán, Sinh học, Tin học	
39	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	20	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
				B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
				B02	Toán, Sinh học, Địa lí	
				B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
				X06	Toán, Vật lí, Tin học	
				X10	Toán, Hóa học, Tin học	
				X14	Toán, Sinh học, Tin học	
40	51140201	CĐ Giáo dục mầm non	400	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
				C14	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
41	7140201	ĐH Giáo dục mầm non	170	X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật	
				X71	Ngữ văn, Lịch sử, Tin học	
				Y07	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tin học	
42	7140202	Giáo Dục Tiểu Học	60	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
				A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
				D84	Toán, GDCD, Tiếng Anh	
				X06	Toán, Vật lí, Tin học	
				X13	Toán, Sinh học, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
				X17	Toán, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
				X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh	

TT	MÃ NGÀNH	NGÀNH	CHỈ TIÊU	CÁC TỔ HỢP MÔN		GHI CHÚ
				MÃ TH	TÊN TỔ HỢP	
43	7140217	Sur phạm Ngữ văn	20	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
				C20	Ngữ văn, Địa lí, Giáo dục công dân	
				D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
				D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
				X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục kinh tế và pháp luật	
				X71	Ngữ văn, Lịch sử, Tin học	
				Y07	Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học	
44	7140226	Sur phạm Tiếng Khmer	70	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
				C20	Ngữ văn, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật	
				D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
				D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
				X74	Ngữ văn, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật	
				Y07	Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học	
				X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục kinh tế và pháp luật	

Danh mục trên có 44 ngành

Thí sinh lưu ý Điểm của tổ hợp 03 môn tham gia xét tuyển là điểm của tổ hợp môn có điểm cao nhất (nhà trường lựa chọn theo hồ sơ của thí sinh).